

Số 182/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

Sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 5, khóa XIX về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 7481
	Ngày: 07/18/18
	Chuyên: Thực hiện

Thực hiện Kế hoạch số 129-KH/TU ngày 11/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 02 năm thực hiện 04 kết luận, 05 nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIX, UBND tỉnh báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (viết tắt là Nghị quyết 04) với nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN VÀ CỤ THỂ HÓA THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 04

1. Về tổ chức quản triết, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 04

Sau khi Nghị quyết 04 được ban hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết cho các cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân. Qua học tập, quán triệt, tuyên truyền đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, sự đồng thuận của hệ thống chính trị về thực hiện nhiệm vụ phát triển dịch vụ, du lịch trong tình hình mới.

2. Về cụ thể hoá, thể chế hóa triển khai thực hiện Nghị quyết 04

Triển khai Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND trình HĐND tỉnh thông qua và phê duyệt nhiều văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện¹.

¹ Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân về việc thông qua Đề án phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ, du lịch đến năm 2020, Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (Phần dịch vụ), Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (Thay thế Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (Phần du lịch)), Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh về phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng 04 huyện: Bình Sơn, Lý Sơn, Nghĩa Hành, Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020.

+ Thực hiện: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2017 đạt 3,28%, và đến năm 2017 chiếm tỷ trọng 1,58% trong khu vực dịch vụ, chiếm 0,49%/ tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh.

- Dịch vụ giáo dục đào tạo:

+ Chỉ tiêu: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020: 9,5%, đến năm 2020 chiếm khoảng 6%/ khu vực dịch vụ và chiếm 2,24%/ tổng sản phẩm GRDP.

+ Thực hiện: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2017 đạt 1,84%, và đến năm 2017 chiếm tỷ trọng 5,38% trong khu vực dịch vụ, chiếm 1,67%/ tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh.

- Các dịch vụ khác:

+ Chỉ tiêu: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020: 16,8%, đến năm 2020 chiếm khoảng 13,6%/ khu vực dịch vụ và chiếm 5,04%/ tổng sản phẩm GRDP.

+ Thực hiện: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2017 đạt 9,79% và đến năm 2017 chiếm tỷ trọng 10,34% trong khu vực dịch vụ, chiếm 3,21%/ tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh.

1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1.2.1. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển các ngành dịch vụ, ưu tiên dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao, bảo đảm các dịch vụ cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại

a) Về dịch vụ phân phối, kinh doanh bất động sản, vận tải, kho bãi, cảng biển, thông tin truyền thông, y tế giáo dục và đào tạo, văn hóa thể thao.

*** Về dịch vụ phân phối, thương mại**

- Tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển thương mại, hạ tầng thương mại: Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 26/3/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; triển khai rà soát quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu, LPG...

- Triển khai thực hiện xây dựng mô hình thí điểm Điểm bán hàng Việt với tên gọi "Tự hào hàng Việt Nam" theo Quyết định số 634/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đổi mới phương thức đầu tư, mô hình quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động chợ truyền thống: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 về Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 ban hành quy định về quy trình chuyên đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và tổ chức triển khai thực hiện; rà soát, bổ sung, loại khỏi quy hoạch đối với chợ hoạt động không hiệu quả; xã hội hóa công tác đầu tư, khai thác chợ. Kết quả:

+ Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 146 chợ, đạt 82% so với quy hoạch (178 chợ) gồm: 03 chợ hạng 1, đạt 75% so với quy hoạch (04 chợ), khi chợ Đầu mối nông sản hoàn thiện, chỉ tiêu chợ hạng 1 sẽ đạt 100%; 09 chợ hạng 2 (trong đó có chợ Đầu mối nông sản), đạt 35% so với quy hoạch (26 chợ); 134 chợ hạng 3, đạt 90.5% so với quy hoạch (148 chợ). Trong đó chợ nông thôn: 127 chợ; chợ thành thị: 19 chợ.

+ Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã nâng cấp mở rộng 10/23 chợ, đạt 44% so với quy hoạch; đầu tư xây mới 30/117 chợ, đạt 26,8% so với quy hoạch. Hiện tại, có 06 chợ đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, đang trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Công tác xã hội hóa đầu tư, khai thác chợ: Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 chợ đã được doanh nghiệp, HTX đầu tư, quản lý; 6 chợ đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và hiện có 13 chợ được các doanh nghiệp liên hệ lập thủ tục đầu tư.

+ Siêu thị, trung tâm thương mại: Hiện có 6 siêu thị đang hoạt động trong quy hoạch, trong đó về phân hạng có 02 siêu thị hạng 1 và 04 siêu thị hạng 3, về phân loại có: 04 siêu thị tổng hợp và 02 siêu thị chuyên doanh. Đồng thời, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện đầu tư 02 trung tâm thương mại (Trung tâm thương mại và Nhà phố Shophouse của Tập đoàn VinGroup, Trung tâm thương mại và siêu thị Hùng Cường Big C của tập đoàn Vingroup); 04 siêu thị chuyên doanh đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- Thương mại điện tử: Thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 18/3/2016, UBND tỉnh đã nâng cấp Sàn thương mại điện tử của tỉnh thành Sàn giao dịch thương mại điện tử, qua đó hỗ trợ tốt hơn cho doanh nghiệp tìm kiếm thông tin thị trường, thực hiện mua bán hàng hóa qua mạng; đồng thời cung cấp thông tin tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế tại địa chỉ: [www. http://tradequangngai.com.vn](http://tradequangngai.com.vn)) để doanh nghiệp biết, chủ động tham gia.

- Xúc tiến thương mại: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 02/8/2017, hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, tìm kiếm, mở rộng thị

trường tiêu thụ sản phẩm và gắn kết thực hiện với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối cung cầu các doanh nghiệp giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh khu vực miền Trung – Tây Nguyên, Hội nghị quốc tế về kết nối tiêu thụ dư thừa và một số mặt hàng nông sản giữa tỉnh Quảng Ngãi với các doanh nghiệp Trung Quốc... tạo điều kiện mở rộng cơ hội hợp tác giao thương, thúc đẩy thương mại dịch vụ, kêu gọi thu hút các tập đoàn bán buôn, bán lẻ lớn có uy tín, đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đến nay các tập đoàn lớn đã trực tiếp đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Như: Tập đoàn Vina Group (hệ thống Siêu thị Big C); Liên Hiệp HTX Thương mại Tp.HCM (Saigon Co.op); Tập đoàn VinGroup (dự án Trung tâm thương mại và Nhà phố Shophouse).

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi kinh doanh trái phép khác... đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Phối hợp mở các lớp bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế về: Lộ trình thực hiện cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ; dự báo những thuận lợi, khó khăn khi Việt Nam thực hiện các cam kết WTO, hiệp định thương mại tự do (FTA), khu vực mậu dịch tự do (ASEAN), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); các rào cản thương mại, kỹ năng đàm phán, khai thác thông tin thị trường quốc tế, kinh nghiệm giải 6 quyết các tranh chấp thương mại của nước ngoài; các chính sách, kinh nghiệm và giải pháp thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; vấn đề chống bán phá giá, chống trợ cấp và các biện pháp tự vệ...(mỗi năm 2 lớp); tập huấn về thương mại điện tử để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận dần với kinh doanh thương mại điện tử trong thời kỳ hội nhập (mỗi năm 2 lớp) và nhiều lớp nghiệp vụ khác.

*** Dịch vụ kinh doanh bất động sản**

- Công tác rà soát, lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch:

+ UBND tỉnh ban hành các quy hoạch: Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020², Quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh³, Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh⁴.

+ Sở Xây dựng đã tổ chức rà soát lại Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi⁵. Trên cơ sở đó, tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai lập, phê duyệt các đồ án quy hoạch hạ tầng kỹ thuật cấp vùng tỉnh, nhằm cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh. Hiện tại, Sở Xây dựng đang tiếp tục tham mưu UBND tỉnh

² Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 03/7/2013

³ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/11/2016

⁴ Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 21/10/2016

⁵ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/8/2013;

tổ chức triển khai lập, thẩm định và chuẩn bị trình phê duyệt các đồ án Quy hoạch cốt nền thoát nước mưa và Quy hoạch thu gom xử lý nước thải cho các đô thị trên địa bàn tỉnh.

+ Tiếp tục rà soát Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với quy định mới của Luật Quy hoạch, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có liên quan.

- Dịch vụ kinh doanh bất động sản: HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030⁶; UBND tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện⁷; triển khai thành lập sàn giao dịch bất động sản để quản lý, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản.

*** Dịch vụ vận tải, kho bãi, cảng biển, Logistics**

- Sở Giao thông vận tải đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác phát triển dịch vụ, du lịch thuộc trách nhiệm của ngành⁸:

+ Về phát triển đơn vị vận tải: Đến tháng 6/2018 đã có 2.273 đơn vị hoạt động vận tải; trong đó: 2.243 đơn vị hoạt động vận tải đường bộ, 30 đơn vị hoạt động vận tải khách đường thủy nội địa.

+ Về phát triển phương tiện vận tải: Đến nay có 5.196 phương tiện vận tải; trong đó: 5.156 phương tiện vận tải đường bộ (3.932 xe vận tải hàng hóa, 1.224 xe vận tải hành khách), 40 phương tiện vận tải hành khách đường thủy.

+ Phát triển các dịch vụ hỗ trợ vận tải: Hoàn thành việc di dời bến xe Quảng Ngãi từ vị trí cũ sang vị trí mới; kêu gọi các tổ chức trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng 7 trạm dừng nghỉ theo Quyết định 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 của Bộ Giao thông vận tải và đẩy mạnh thực hiện dự án Cảng Bến Đình, huyện Lý Sơn...

+ Phát triển dịch vụ vận tải hành khách công cộng: Tổ chức thực hiện, phát triển vận tải khách công cộng bằng xe buýt⁹; phát triển vận tải khách công cộng bằng xe taxi¹⁰; đã đưa vào khai thác 03 tuyến xe buýt nội đô từ tháng 01/2018 để khuyến khích người dân nội thành sử dụng vận tải hành khách công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân, nhu cầu hành khách sử dụng xe buýt khoảng 2,6 triệu lượt, chiếm 10% nhu cầu đi lại của người dân.

+ Phát triển vận tải liên vận quốc tế: Đã cấp 24 giấy phép liên vận Việt – Lào, đồng thời tham gia tọa đàm về hoạt động thường niên phát triển vận tải Việt – Lào để tăng cường hợp tác quốc tế song phương Việt – Lào; khuyến

⁶ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016

⁷ Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 triển khai thực hiện Nghị quyết 07/2016/NQ-HĐND

⁸ số 460/KH-SGTVT ngày 08/3/2017

⁹ Quyết định 1803/QĐ-UBND ngày 09/10/2015; số 1475/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh

¹⁰ Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh

khích các đơn vị kinh doanh vận tải mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh liên vận hành khách quốc tế Việt – Lào.

- Đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng: Thi công hoàn thành 10 dự án: Nâng cấp đường tỉnh Sơn Hà- Sơn Tây (Km3-Km8); nâng cấp mở rộng QL24 đoạn Thạch Trụ - Phổ Phong dài 8km; đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi dài 13,38km; mở rộng đường Trần Khánh Dư; đường bờ kè Nam Trà Khúc dài 9,2km; đầu tư cải tạo, nâng cấp QL1 đoạn km1027-Km1063+877 và Km1092+577-Km1125+000; mở rộng QL1 đoạn Km1045+780 – km1051+845 và km1063+877; nâng cấp mở rộng QL24 đoạn Thạch Trụ - Phổ Phong (Km0 – km8); Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh. Đang triển khai các 09 dự án: Mở rộng QL 1 đoạn Dốc Sỏi – Vsip (km1027-Km1045+780); Tiểu dự án GPMB đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; Cầu cửa Đại; Đường Nguyễn Công Phương giai đoạn 2; Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 623 (Sơn Hà – Sơn Tây) đoạn Km26 – Km27 đoạn nối đường Đông Trường Sơn; đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi đoạn Km 6 – Km17+750; Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi – Chợ Chùa; Cảng Bến Đình, huyện Lý Sơn; Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 623B (Quảng Ngãi – Thạch Nham) giai đoạn 2, Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận; Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.624B (Quán lát – Đá Chát).

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải và hỗ trợ giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh. Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2016-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt; công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến Quốc Lộ 24, 24B; 24C; công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ Logistics:

+ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ Logistics tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015¹¹ và triển khai thực hiện

+ Hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông Logistics trên cơ sở Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đã được phê duyệt; đảm bảo các quy hoạch, kế hoạch về giao thông, vận tải phù hợp với các chiến lược, kết nối giữa các Khu Công nghiệp, Nhà máy với các hệ thống cảng biển.

+ Từng bước phát huy lợi thế cảng biển nước sâu Dung Quất hình thành cảng vận tải container, phát triển các loại hình dịch vụ Logistics theo hướng trục Cảng nước sâu Dung Quất – Cảng hàng không Chu Lai làm vệ tinh cho 02 trung tâm Logistics thuộc hành lang kinh tế đường 14B và hành lang kinh tế đường 19 và duyên hải Nam Trung Bộ theo Quy hoạch phát triển hệ thống trung

¹¹ Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 17/5/2017

tâm Logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015.

*** Dịch vụ Thông tin, truyền thông**

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 04¹², với yêu cầu phát triển dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet, phát thanh-truyền hình phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và CNTT:

+ Mạng Bưu chính của tỉnh có 210 điểm phục vụ bưu chính; đầu tư nâng cấp 107 điểm phục vụ bưu chính công cộng có người phục vụ (Điểm Bưu điện VHX) để kinh doanh đa dịch vụ; triển khai 40 điểm phục vụ bưu chính đảm bảo cơ sở vật chất, con người để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay có 176/184 xã đạt 95,6% xã có điểm cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông công cộng¹³.

+ Triển khai Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trong 02 năm 2016, 2017 các doanh nghiệp Mobifone, VNPT, Viettel đã đầu tư 400 Km cáp quang đến thôn /xóm/bản để mở rộng thị phần và cung cấp dịch vụ internet băng rộng; đầu tư hơn 200 trạm BTS; đồng loạt triển khai dịch vụ Internet băng rộng di động 3G, 4G trên toàn mạng lưới, nâng tỉ lệ phủ sóng 3G, 4G đạt khoảng 85% khu vực dân cư của tỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và thông tin liên lạc. Đến nay, hạ tầng băng thông rộng (di động và cố định) có 184/184 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đạt 100%. Kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hạ tầng mạng Internet không dây (Wifi) trên địa bàn tỉnh theo hình thức doanh nghiệp và Nhà nước cùng thực hiện.

+ Triển khai Đề án số hóa truyền hình mặt đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi¹⁴, đến 31/12/2018 tỉnh Quảng Ngãi sẽ chuyển hoàn toàn từ phát sóng truyền hình tương tự mặt đất qua phát sóng số mặt đất; hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách đảm bảo 80-90% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thu xem được truyền hình số mặt đất.

+ Đầu tư, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh cơ sở hoạt động ở băng tần 54-68MHz phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền ở địa phương tại: Đức Phổ, Mộ Đức, Thành phố Quảng Ngãi, Sơn Tây và một số xã của huyện Trà Bồng.

+ 100% các cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có Công thông tin thành phần và Trang tin điện tử hoạt động có hiệu quả, hỗ trợ đặc lực

¹² Kế hoạch số 1046/KH-STTTT ngày 08/12/2016.

¹³ 8 xã chưa có gồm: Bình Đông- Bình Sơn, Tịnh Phong- Sơn Tịnh, Phổ Minh – Đức Phổ, Ba Giang- Ba Tư, Trà Thọ- Tây Trà, Sơn Liên, Sơn Long, Sơn Màu – Sơn Tây

¹⁴ theo Quyết định 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ Tướng Chính phủ

cho công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành của lãnh đạo các cấp; cung cấp kịp thời thông tin về kinh tế - xã hội và được tích hợp vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh để cung cấp các thông tin theo quy định cho các tổ chức và công dân. Hơn 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước dưới dạng điện tử qua hệ thống điều hành tác nghiệp văn bản. Đến cuối năm 2017, hơn 70% các xã phường, thị trấn kết nối liên thông văn bản điện tử qua mạng internet. Theo kế hoạch, đến cuối năm 2018 sẽ triển khai đến 100% các xã phường, thị trấn kết nối liên thông văn bản điện tử.

- Đã cung cấp 100% dịch vụ hành chính công mức độ 2 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin của các cơ quan, đơn vị chuyên ngành. Về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã thực hiện được gần 200 TTHC.

- Xây dựng và triển khai các quy hoạch ngành: Quy hoạch hạ tầng viễn thông tự động của Mobifone trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020¹⁵; Quy hoạch hạ tầng viễn thông tự động của Viễn thông Quảng Ngãi đến năm 2020¹⁶; phê duyệt Đề án xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020¹⁷; ban hành kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi¹⁸.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã phát 670 tin bài trên sóng phát thanh; 03 chuyên mục “Quảng Ngãi phát triển và hội nhập” 24 chuyên mục “Quảng Ngãi nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh”; 700 tin bài, phóng sự trong các chương trình thời sự, chuyên mục, tạp chí; 40 lượt giới thiệu nội dung văn bản luật, tìm hiểu pháp luật nhằm tuyên truyền phản ánh các nội dung về phát triển dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

*** Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội**

- Số giường bệnh/vạn dân năm 2017: 25,2 giường, tăng 12,85% so với năm 2016; 6 tháng đầu năm 2018 là 27,3 giường, tăng 8,33% so với năm 2017.

- Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế năm 2017 là 87% tăng 2,82% so với năm 2016; ước thực hiện năm 2018 là 88,23%, tăng 1,41% so với năm 2017.

- Đầu tư phát triển các cơ sở y tế để mở rộng, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân gồm: 03 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2017¹⁹; 04 dự án tạm y tế xã đang triển khai²⁰; thực hiện các thủ tục đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi lên hạng I.

- Thành lập 02 trung tâm y tế là: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở sát nhập các Trung tâm: Y tế dự phòng; Phòng, chống sốt rét;

¹⁵ Phê duyệt tại Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 21/9/2018

¹⁶ Quyết định số 720/QĐ- UBND ngày 12/10/2017

¹⁷ Quyết định số 918/QĐ- UBND ngày 13/12/2017

¹⁸ Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 22/02/2018

¹⁹ Bệnh viện Sản – Nhi với quy mô 300 giường bệnh, Trạm y tế xa Hành Trung, xã Ba Chùa.

²⁰ Trạm y tế xã Tịnh Thọ, Tịnh Ấn Đông, Hành Dũng, Tịnh An

Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện đồng bằng, thành phố trên cơ sở sáp nhập BVĐK với TTYTDP huyện, thành phố.

- Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư phát triển 04 bệnh viện ngoài công với quy mô gần 700 giường bệnh²¹.

- Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề: Trong năm 2016 đã có 13/14 trung tâm dạy nghề, trung tâm Dạy nghề-GDTEX&HN, trung tâm GDTEX-HN&DN được sáp nhập và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTEX trực thuộc UBND cấp huyện; số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay là 30 đơn vị (giảm 10 đơn vị so với năm 2016); 61% số cơ sở được đầu tư, xây dựng, cải tạo, mở rộng đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người lao động trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Đổi mới cơ chế hỗ trợ đào tạo nghề theo hướng hỗ trợ trực tiếp cho người lao động và doanh nghiệp sử dụng lao động; hỗ trợ hệ thống thông tin thị trường lao động cho 309.707 hộ gia đình, 1.926 doanh nghiệp.

*** Dịch vụ giáo dục đào tạo**

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết 04-NQ/TU để triển khai thực hiện các nhiệm vụ ngành²².

- Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống cho mọi người dân; xác định rõ mục tiêu và chuẩn đầu ra của từng bậc học. Thực hiện đổi mới chương trình, nội dung dạy và học, hình thức và phương pháp tuyển sinh, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả...

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên năm 2017"; đồng thời gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách 11 Hồ Chí Minh với công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

+ Triển khai thực hiện chuẩn đầu ra của từng bậc học đảm bảo theo chỉ tiêu theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đổi mới và chuẩn hóa nội dung giáo dục mầm non: Đến nay toàn tỉnh có 215 trường mầm non, mẫu giáo²³. Có 183/184 xã có trường mầm non (xã An Bình- Đảo Bé chưa đủ điều kiện thành lập trường); tỷ lệ huy động trẻ em mầm

²¹ Bệnh viện đa khoa Phúc Hưng 45 giường bệnh dự kiến cuối năm 2018; Khu dịch vụ chất lượng cao bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi 500 giường bệnh; Bệnh viện kỹ thuật cao Thiện Nhân Quảng Ngãi 100 giường bệnh; Bệnh viện Đa khoa Thiên Phúc 32 giường bệnh

²² số 86/KH-SGDĐT ngày 17/02/2017

²³ trong đó 193 trường công lập, 22 trường tư thục

non trong độ tuổi đến trường toàn tỉnh 58.421/101.008, đạt tỷ lệ 57,63%, vượt chỉ tiêu năm 2018 là 1.316 cháu, tăng 1.742 cháu so với năm học trước.

- Hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; xã hội hóa đầu tư phát triển các trường, nhất là các trường chất lượng cao, kỹ thuật tiên tiến.

+ Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non vào năm 2015; duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học; 14/14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS; số thanh thiếu niên từ 11-18 tuổi học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp PTTH hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt 77%; 21/38 trường PTTH đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 55,3%.

+ Toàn tỉnh hiện có 24 trường tư thục (22 trường mầm non, 02 trường PTTH).

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông trong việc dạy và học. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đồng bộ với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo.

*** Về dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm:**

- Ngành ngân hàng đã đẩy mạnh công tác huy động vốn, phân bổ nguồn vốn hiệu quả, phục vụ đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, đồng thời triển khai các hoạt động ngân hàng hiện đại có hàm lượng công nghệ cao.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 23 chi nhánh ngân hàng thương mại, 14 chi nhánh ngân hàng nông nghiệp cấp huyện, 54 phòng giao dịch. Dự nợ cho vay đến cuối năm 2017 đạt 38.761 tỷ đồng, tăng 13,12% so với năm 2016. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 02 năm 2016-2017 đạt 19,57%.

- Mạng lưới ATM tiếp tục được mở rộng ở 12/14 huyện, thành phố (huyện Sơn Tây, Tây Trà chưa có) với 199 máy ATM; có 259 đơn vị chấp nhận thẻ với 368 thiết bị đầu cuối POS, cung cấp nhiều tiện ích, phương thức thanh toán linh hoạt, kết nối liên thông hệ thống thanh toán liên ngân hàng, tạo điều kiện giao dịch thuận lợi cho tổ chức và cá nhân.

*** Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và các dịch vụ khác**

- Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, đặc biệt lập 12 trung hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các tập đoàn kinh tế lớn trong nước. Thu hút và hỗ trợ Tập đoàn Hòa Phát đầu tư dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Tập đoàn FLC đầu tư dự án Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và đô thị Bình Châu – Lý Sơn...

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai minh bạch để các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuận tiện trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường công tác tham mưu, hướng dẫn, tổ chức quản lý hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý, phát triển kinh tế, các dự án phát triển thương hiệu, sản phẩm địa phương như Dự án quản lý và phát triển nhãn hiệu Chè Minh Long; thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật canh tác tỏi ở huyện Lý Sơn; bảo tồn nguồn gen cây quế Trà Bồng...

- rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế của tỉnh và phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

1.2.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

a) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Cơ sở hạ tầng cho phát triển dịch vụ chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức: Trong lĩnh vực dịch vụ thương mại, đến nay vẫn chưa đầu tư xây dựng được trung tâm hội chợ triển lãm, kho hàng hóa chuyên dụng...;

- Nguồn vốn ngân sách đầu tư cho phát triển hạ tầng các ngành dịch vụ còn hạn chế; công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư, khai thác hạ tầng dịch vụ và đầu tư kinh doanh các loại hình dịch vụ được đẩy mạnh. Tuy nhiên hiệu quả chưa cao, chưa đồng đều giữa các vùng, khu vực, lĩnh vực.

- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong quản lý, phát triển các ngành dịch vụ chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới và phát triển.

- Việc cải cách thủ tục hành chính chưa được thực hiện triệt để; việc phân cấp, ủy quyền chưa thực hiện đầy đủ; thể chế hành chính chưa được thông suốt, còn nhiều vướng mắc...doanh nghiệp phải đến làm việc tại nhiều đầu mối khác nhau, gây khó khăn, mất thời gian, tài chính của doanh nghiệp, dẫn đến làm giảm chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Chưa hình thành được trung tâm logistics để trở thành đầu tàu cho phát triển các ngành dịch vụ; nguồn lực cho phát triển logistics còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Doanh nghiệp trong tỉnh chỉ mới đáp ứng các dịch vụ đơn giản, quy mô nhỏ, thiếu đồng bộ, nhiều trung gian.

- Công tác quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ còn riêng lẻ, thiếu tính gắn kết đồng bộ, từng ngành có quy hoạch ngành riêng lẻ, dẫn đến khi triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất chưa thống nhất với quy hoạch hạ tầng thương mại, quy hoạch xây dựng...Do đó cần quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đảm bảo tính liên kết, đồng bộ để đầu tư, phát triển.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay còn nhiều chồng chéo, đặc biệt là trong lĩnh vực luật chuyên ngành dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng (giữa Luật Bảo vệ môi trường với Luật Đầu tư, giữa Luật Đầu tư với Luật Xây dựng, giữa Luật Quy hoạch với nhiều luật chuyên ngành khác...).

b) Nguyên nhân

- Nguồn vốn đầu tư cho phát triển hạ tầng dịch vụ đòi hỏi lớn, đặc biệt là hạ tầng dịch vụ logistics, dịch vụ thương mại, dịch vụ giao thông vận tải, nhà ở xã hội...; vượt quá khả năng ngân sách nhà nước. Công tác kêu gọi các nguồn lực xã hội đầu tư chưa đồng đều giữa các vùng, khu vực, lĩnh vực; ở những khu vực, ngành nghề khả năng lợi nhuận cao, nhanh thu hồi vốn thì các doanh nghiệp quan tâm khai thác triệt để, ngược lại các ngành nghề dịch vụ ít mang lại lợi nhuận, những khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn thì việc kêu gọi đầu tư xã hội là rất khó.

- Công tác lập quy hoạch trong phát triển các ngành dịch vụ chưa xây dựng theo hướng đồng bộ, gắn kết giữa các ngành. Do đó cần sớm xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng tổng thể, đồng bộ, có tính liên kết giữa các ngành nghề và theo đúng quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ cho nghiên cứu ứng dụng, thí nghiệm vẫn còn nhiều hạn chế. Trên địa bàn tỉnh hiện nay gần như không có cơ sở khoa học đủ năng lực tự mình tổ chức giải quyết các vấn đề nghiên cứu khoa học ứng dụng và phát triển công nghệ chuyên ngành, nhất là trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng công nghệ cao.

- Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được quan tâm, triển khai thực hiện, tuy nhiên chưa tương xứng và chưa có biến chuyển rõ, vẫn còn tình trạng doanh nghiệp phải liên lạc, làm việc tại nhiều đầu mối, nhiều nấc, nhiều ngành khi thực hiện đầu tư.

1.3 Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân để đẩy mạnh phát triển dịch vụ

a) Kết quả đạt được

- Tất cả các sở, ngành, địa phương đều tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết 04-NQ/TU đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan; đồng thời nhiều sở, ngành đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, các tổ chức cơ sở đảng, của cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của ngành dịch vụ trong phát triển các ngành kinh tế có sự chuyển biến tích cực; nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo thực hiện.

- UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực: Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân tỉnh Quảng Ngãi giai

14 đoạn 2016-2020²⁴; Kế hoạch hỗ trợ, khuyến khích khởi nghiệp năm 2017²⁵; Chương trình việc làm giai đoạn 2016-2020²⁶.

- Đã phối hợp với VCCI Đà Nẵng tổ chức thành công cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp tỉnh Quảng Ngãi năm 2017” có 12/48 ý tưởng khởi nghiệp của các thí sinh đạt xuất sắc tham gia vòng chung kết, 10 ý tưởng khởi nghiệp đạt giải.

- Tổ chức các hội nghị phân tích đánh giá kết quả PCI, hội nghị xúc tiến đầu tư; hội nghị gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp; thực hiện các chuyên mục khởi nghiệp cùng chuyên gia, tổ chức 16 buổi cà phê doanh nhân và hỗ trợ khởi nghiệp” để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hằng năm các Sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong công tác quản lý, lãnh đạo của đơn vị mình; đồng thời triển khai các lớp tập huấn, hỗ trợ đào tạo, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, đào tạo nguồn nhân lực cho cộng đồng các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ.

- Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát, hệ thống hóa 16 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ những quy định trái pháp luật; kịp thời tham mưu ban hành cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; triển khai 12 văn bản luật cho gần 800 đại biểu là lãnh đạo các sở, ban, ngành, hội đoàn thể, UBND các huyện thành phố; tổ chức 22 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho các địa phương; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

b) Hạn chế khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và doanh nghiệp về vị trí, vai trò ngành dịch vụ trong phát triển kinh tế chưa đầy đủ; nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tỉnh chưa chú trọng công tác đầu tư phát triển hệ thống dịch vụ trong tổng thể đầu tư, kinh doanh của đơn vị; chưa quan tâm đến mẫu mã, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, giao thương hàng hóa..

- Nguồn kinh phí ngân sách phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế. Một số cơ sở đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế về năng lực, vật chất, thiết bị...

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan đơn vị địa phương, giữa địa phương với các cơ quan trung ương chưa chặt chẽ, chưa hiệu quả; chưa tranh thủ được nguồn vốn đầu tư trung ương, nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp ngoài tỉnh.

1.4 Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về huy động mọi nguồn lực; khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân để đẩy mạnh phát triển dịch vụ

²⁴ Quyết định 1354/QĐ-UBND ngày 27/7/2016

²⁵ số 1616/KH-UBND ngày 27/3/2017

²⁶ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016

a) Kết quả đạt được

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh²⁷; ban hành chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017-2020²⁸; phê duyệt kế hoạch xúc tiến đầu tư năm 2017, năm 2018²⁹.

- Sở Công Thương rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch ngành; tham mưu UBND tỉnh, Bộ Công Thương việc thành lập Trung tâm năng lượng và Lọc hóa dầu quốc gia, Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ Khu vực miền Trung – Tây Nguyên thuộc Bộ Công Thương đặt tại Quảng Ngãi; tổ chức thành công Hội nghị kết nối cung cầu năm 2017 khu vực miền Trung – Tây nguyên, 02 hội nghị quốc tế về tiêu thụ dưa hấu và một số mặt hàng nông sản giữa Quảng Ngãi và một số tỉnh Trung Quốc.

- Xã hội hóa đầu tư, khai thác chợ: Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 chợ đã được doanh nghiệp, HTX đầu tư, quản lý; 6 chợ đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và hiện có khoảng 13 chợ được các doanh nghiệp liên hệ lập thủ tục đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 653 tỷ đồng.

- Tại Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có 35 doanh nghiệp hoạt động về dịch vụ, 07 doanh nghiệp hoạt động về nhà hàng, khách sạn, doanh thu ước đạt 2.400 tỷ đồng (năm 2016), năm 2017 ước đạt khoảng 3.000 tỷ đồng; đã phát triển và đưa vào sử dụng 10 bến cảng, trong đó 03 cảng tổng hợp gồm PTSC, Gemadept và Hào Hưng, 07 bến cảng chuyên dụng phục vụ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, bến chuyên dùng Doosan, triển khai đầu tư bến cảng chuyên dùng của Nhà máy thép Hòa Phát; 01 dự án kinh doanh hạ tầng KCN, dự án Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và đô thị Bình Châu – Lý Sơn của Tập đoàn FLC.

- Về dịch vụ logistics: Bước đầu hình thành trung tâm Logistics tại Khu kinh tế Dung Quất, gắn với cảng biển nước sâu Dung Quất; khai thác tiềm năng dịch vụ vận tải biển, các dịch vụ vận chuyển, lưu chuyển hàng hóa.

b) Hạn chế khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

- Mặc dù đã kịp thời ban hành các chủ trương ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh, chương trình xúc tiến đầu tư, kế hoạch xúc tiến thương mại nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, tuy nhiên hiệu quả vẫn chưa cao.

- Sự cạnh tranh trong thu hút đầu tư giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung rất lớn, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh so với một số tỉnh trong khu vực, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chưa thật sự đủ tính cạnh tranh cao.

²⁷ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016

²⁸ Quyết định 344/QĐ-UBND ngày 12/5/2017

²⁹ Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 11/7/2017; Quyết định 927/QĐ-UBND ngày 12/6/2018

- Công tác xã hội hóa, kêu gọi nguồn lực đầu tư được chú trọng, tuy nhiên việc thu hút đầu tư dưới hình thức xã hội hóa chưa cao, chưa đầu tư đồng đều giữa các vùng miền, các khu vực. Ở những vùng, vị trí, ngành nghề thuận lợi, có lợi nhuận cao, nhanh thu hồi vốn thì doanh nghiệp quan tâm đầu tư, ngược lại ở những ngành nghề chậm thu hồi vốn, lợi nhuận thấp công tác xã hội hóa, thu hút 16 nguồn lực đầu tư gặp nhiều khó khăn.

- Ở một số ngành dịch vụ, việc đầu tư cơ sở vật chất đòi hỏi vốn lớn, do đó ít có nhà đầu tư đảm bảo điều kiện thực hiện.

- Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính đã đạt được nhiều kết quả nhất định, đã hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tuy nhiên ở một số địa phương, sở ngành vẫn chưa quan tâm thực hiện đúng mức, vẫn còn phiền hà cho doanh nghiệp.

2. PHẦN DU LỊCH

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng lượt khách:

+ Năm 2016 đạt 725.000 lượt, trong đó khách du lịch quốc tế là 61.000 lượt (đạt 100% so với chỉ tiêu NQ 04).

+ Năm 2017 đạt 810.000 lượt (đạt 108 % so với chỉ tiêu NQ 04), trong đó khách du lịch quốc tế là 69.000 lượt (đạt 107 % so với chỉ tiêu NQ 04).

+ 6 tháng đầu năm 2018 đạt 530.000 lượt, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, đạt 63% so với kế hoạch và đạt 66,25 % so với chỉ tiêu NQ 04.

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2017 đạt 11.6%, theo chỉ tiêu NQ 04 đạt 7.4%.

- Tổng thu du lịch:

+ Năm 2016 đạt 640 tỷ đồng, thu ngoại tệ 6,8 triệu USD (đạt 100 % so với chỉ tiêu NQ 04).

+ Năm 2017 đạt 710 tỷ đồng, thu ngoại tệ 7,5 triệu USD (đạt 100 % so với chỉ tiêu NQ 04).

+ 6 tháng năm 2018 đạt 487 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước đạt 59% so với kế hoạch (đạt 59% so với chỉ tiêu NQ 04).

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2017 đạt 12.6%, theo chỉ tiêu NQ 04 đạt 11.8 %.

(Phụ lục số 01 đính kèm)

2.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.2.1. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, thế mạnh đặc trưng của vùng, miền để đẩy mạnh phát triển du lịch

a) Kết quả đạt được

a1) Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch

Thời gian qua, tỉnh tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu, điểm du lịch trọng điểm như: Khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh, điểm du lịch Lý Sơn và một số điểm tham quan khác... để phát triển sản phẩm du lịch biển, đảo. Hiện nay, loại hình du lịch biển đảo đang phát triển khá mạnh, tạo điểm nhấn cho du lịch của tỉnh. Ngoài du lịch biển, đảo, sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử gắn với lễ hội, tâm linh, nghiên cứu, giáo dục, thăm lại chiến trường xưa... đã và đang khai thác tốt, thể hiện rõ ở việc tích cực tập trung đầu tư, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch hấp dẫn, có sức thu hút khách du lịch.

Ban hành Đề án xây dựng và phát triển Công viên địa chất Lý Sơn³⁰; Kiện toàn lại Ban Quản lý Công viên địa chất Lý Sơn cho phù hợp với tình hình thực tiễn; tham dự 02 lớp tập huấn chuyên sâu về công viên địa chất tại Hy Lạp; tham gia và triển lãm về Công viên địa chất Lý Sơn tại Hội nghị lần thứ 5 Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu tại Trung Quốc; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm lập hồ sơ và bảo tồn, phát triển Công viên địa chất Cao nguyên Đá Đồng Văn và Công viên địa chất Non nước Cao Bằng; ký kết hợp tác lập hồ sơ Công viên địa chất Lý Sơn với Viện Khoa học Khoáng sản và Địa chất; đang tiến hành các bước quy hoạch, bảo tồn, phát triển, song song với việc lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn. Việc xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn nhằm xây dựng sản phẩm, dịch vụ du lịch mới như: Du lịch địa chất, du lịch có trách nhiệm, du lịch khám phá kết hợp nghiên cứu khoa học địa chất...

Cho chủ trương đầu tư nghiên cứu, khảo sát, lập dự án đầu tư phục dựng bộ xương cá Ông gắn với bảo tàng động vật, thực vật Biển Đông; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản tại đảo Bé; đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị Văn hóa Sa Huỳnh nhằm thu hút xã hội hóa đầu tư phục dựng di tích và khai thác giá trị các di tích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Ban hành Kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng, bước đầu thí điểm tại 04 huyện: Bình Sơn, Lý Sơn, Nghĩa Hành, Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020³¹; tổ chức khảo sát, xây dựng và phát triển mô hình du lịch cộng đồng trải nghiệm văn hóa đồng bào Hre và tìm hiểu bảo tàng khởi nghĩa tại huyện Ba Tơ, đã thu hút đông đảo du khách đến tham quan.

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, du lịch gắn với các di sản, di tích và đã nhận được sự đồng tình, hưởng ứng của chính quyền và nhân dân địa phương, thu hút một lượng khách đáng kể đến tham quan tại tỉnh.

a2) Đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật du lịch

³⁰ phê duyệt tại Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 14/12/2017

³¹ số 72/KH-UBND ngày 16/5/2018

- Nguồn vốn ngân sách trung ương

Trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 2016-2020, đã tập trung ưu tiên hoàn thiện hạ tầng các khu du lịch, trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh và đảo Lý Sơn với tổng kinh phí đã bố trí hơn 473 tỷ đồng³²:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Đầu tư hạ tầng giao thông như: Đường vào Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận (đã cho chủ trương đầu tư, dự kiến tổng số vốn đầu tư khoảng 70 tỷ đồng).

- Nguồn vốn tư nhân: Đã thu hút được 26 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch với tổng vốn đăng ký hơn 3.100 tỷ đồng. Một số dự án lớn đang gấp rút hoàn thành, dự kiến đưa vào sử dụng cuối năm như: Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa, Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

a3) Về bảo tồn, phát huy các di tích lịch sử văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch

Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban ngành và địa phương liên quan tiến hành khảo sát, đánh giá hiện trạng và lập Quy hoạch di tích trên địa bàn tỉnh; trùng tu, tôn tạo di tích, cấp kinh phí đầu tư tôn tạo chống xuống cấp di tích; chỉ đạo thực hiện tốt việc quản lý, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan di tích trên địa bàn tỉnh để khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế về di tích lịch sử gắn với phát triển

³²- Khu du lịch Mỹ Khê: Tổng mức đầu tư là 51.894 triệu đồng, trong đó kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 là 47.481 triệu đồng, lũy kế vốn đến nay (2018) đã bố trí 20.000 triệu đồng (NSDP: 10.000 triệu đồng);

- Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nổi dài): Tổng mức đầu tư: 117.147 triệu đồng, vốn NSTW là 37.256 triệu đồng, kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 là 16.499 triệu đồng, lũy kế vốn đến nay (2018) NSDP đã bố trí là: 34.000 triệu đồng;

- Đảo Lý Sơn:

+ Dự án Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vĩnh – Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn: Tổng mức đầu tư: 148.752 triệu đồng, vốn NSTW là 119.002 triệu đồng, kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 là 75.000 triệu đồng, lũy kế vốn đến nay (2018) đã bố trí là: 92.000 triệu đồng (NSDP: 25.000 triệu đồng);

+ Dự án Cảng bến Đình: Tổng mức đầu tư: 200.000 triệu đồng, vốn NSTW là 130.002 triệu đồng, kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 là 100.000 triệu đồng, lũy kế vốn đến nay (2018) đã bố trí là: 151.000 triệu đồng (NSDP: 105.000 triệu đồng);

+ Dự án Cảng Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II): Tổng mức đầu tư: 401.0970 triệu đồng, vốn NSTW là 400.147 triệu đồng, kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 là 227.304 triệu đồng, lũy kế vốn đến nay (2018) đã bố trí là: 171.000 triệu đồng;

+ Dự án Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn: Tổng mức đầu tư: 21.999 triệu đồng, vốn NSTW là 19.799 triệu đồng, kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 là 5.000 triệu đồng.

du lịch. Lượng khách đến tham quan tại các điểm di tích ngày càng tăng³³. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 231 di tích³⁴.

Rà soát, điều chỉnh Quy chế quản lý, bảo vệ, trùng tu tôn tạo di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện khung pháp lý, quy định quản lý, thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát huy các giá trị di tích trên địa bàn tỉnh.

Lập hồ sơ văn hóa phi vật thể quốc gia: Đua thuyền Tứ linh huyện Lý Sơn; đấu chiêng dân tộc Cor; lập hồ sơ và tham mưu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Di tích phi vật thể cấp quốc gia Lễ hội Điện Trường Bà³⁵

Tiếp tục duy trì và phát huy giá trị các lễ hội của cư dân vùng đồng bằng, ven biển, hải đảo³⁶ và các loại hình diễn xướng dân gian³⁷. Các lễ hội ở miền núi cũng tổ chức thường xuyên³⁸, mỗi năm thu hút hàng chục nghìn lượt người tham dự. Các loại hình phi vật thể ở miền núi cũng được chú trọng³⁹. Lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa được tổ chức hàng năm tại Lý Sơn hàng chục năm qua đã trở thành nghi lễ tiêu biểu của cả nước.

Triển khai Dự án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa thôn Làng Teng, xã Ba Thành, huyện Ba Tư⁴⁰ nhằm tạo điều kiện cho người dân bảo tồn, duy trì các ngành nghề truyền thống, phát triển kinh tế, gắn kết du lịch, xóa đói giảm nghèo.

Các cấp chính quyền địa phương đã hướng dẫn các cộng đồng làng tổ chức lễ hội theo nếp sống văn minh, một số lễ hội, các trò chơi dân gian của các dân tộc đang có nguy cơ mai một cũng được phục dựng lại. Từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và ngân sách tỉnh, tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phục dựng Lễ hội cầu mưa của dân tộc Hrê tại làng Gỏi Ôn, xã Ba Thành, huyện Ba Tư; phục dựng trò chơi, trò diễn dân gian của dân tộc Cor ở thôn 2, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng.

³³ Tổng lượt khách đến tham quan Bảo tàng tổng hợp tỉnh và các Bảo tàng chuyên đề khoảng 54.000 lượt khách, Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng đón khoảng 116.000 lượt khách, Khu Chứng tích Sơn Mỹ đón khoảng 504.000 lượt khách, trong đó khách nước ngoài: 76.000 lượt người với 20 quốc tịch.

³⁴ 231 di tích, trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 29 di tích cấp quốc gia, 94 di tích cấp tỉnh và 107 di tích được UBND tỉnh Quyết định bảo vệ, 02 di sản được công nhận di sản văn hoá phi vật thể.

³⁵ Quyết định số 1852/QĐ-BVHTTDL ngày 08/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

³⁶ như: Lễ hội đua thuyền, Lễ hội nghinh Ông, Lễ khao lè thể lính Hoàng Sa, Lễ hội cầu ngư...

³⁷ như: hát bài chòi, hát hò, hát sặc bùa, hát bả trạo...

³⁸ tiêu biểu là lễ ăn trâu, lễ ngã rạ, đặc biệt là Lễ hội Điện Trường Bà Trà Bồng, Lễ hội Ngã rạ của người Cor, Lễ hội Cầu mưa của người Hrê, Lễ hội ăn trâu...

³⁹ Như Hát Moan, Calac, Cachoi, Xàru, đấu chiêng...

⁴⁰ Đầu tư xây dựng mới trên tổng diện tích đất khoảng 1,48ha gồm các hạng mục: sân nền, sân vườn, nhà văn hóa, phục dựng nhà truyền thống (03 nhà), nhà kho và nhà vệ sinh; tổng mức đầu tư xây dựng dự án là 10.522.847.000 đồng (trong đó ngân sách Trung ương là 50%, ngân sách tỉnh là 50%).

a4) Mở rộng liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, các nước trong khu vực

Tiếp tục đẩy mạnh liên kết, hợp tác với ngành du lịch các tỉnh thành như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Định, Kon Tum, Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng đã ký kết...; tiếp tục triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến, xây dựng kết nối tour, đón các đoàn famtrip. Các doanh nghiệp lữ hành lớn trong nước như: Vietravel, Fiditour, Saigontourist... đã xây dựng chương trình du lịch đưa khách về Quảng Ngãi, nhất là huyện đảo Lý Sơn. Năm 2017, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ký Chương trình hợp tác phát triển văn hoá, thể thao và du lịch với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum, Quảng Nam giai đoạn 2017-2020; hợp tác với tỉnh Quảng Nam mở tuyến du lịch đường thủy Cù Lao Chàm – Lý Sơn.

b) Hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

Chưa khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, thế mạnh đặc trưng của tỉnh để đẩy mạnh phát triển du lịch; thiếu các dịch vụ du lịch hỗ trợ, khu vui chơi giải trí, khu mua sắm, ẩm thực để thu hút khách du lịch lưu trú dài ngày.

Nguồn lực đầu tư cho công tác phát triển hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa có khu, điểm du lịch hoàn chỉnh. Đăng ký đầu tư vào lĩnh vực du lịch nhiều song việc thực hiện còn nhiều rào cản, nhất là thủ tục về đất đai nên không thể đẩy nhanh tiến độ đầu tư, bỏ lỡ nhiều cơ hội để phát triển hạ tầng du lịch.

Kinh phí bố trí công tác lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích, công tác đầu tư bảo vệ, tôn tạo di tích còn hạn chế nên chỉ chú trọng đến việc hoàn thiện hồ sơ di tích, còn việc xây dựng bia bảng, cắm mốc giới di tích, nội quy bảo vệ di tích chưa được đầu tư xây dựng đầy đủ, đúng mức.

Không có thiết chế trung bày, triển lãm, trình diễn, nên việc chỉ đạo tổ chức sự kiện, lễ hội còn khá khiêm tốn về quy mô, chưa tạo nên sức hút khách du lịch để tham dự kết hợp tham quan du lịch.

Việc liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa các tỉnh, thành phố đã ký kết mới dừng lại ở các cơ quan quản lý nhà nước, sự kết nối giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn yếu, chưa xác định rõ nội dung hợp tác, chưa kết nối tour.

2.2.2. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp

a) Kết quả đạt được

a1) Về nâng cao trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xác định phát triển du lịch là nhiệm vụ trọng tâm, đã kịp thời chỉ đạo xây dựng các nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển du lịch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị và địa phương.

Kiện toàn và phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh, ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo du lịch năm 2018, phân công nhiệm vụ cho thành viên của Ban chỉ đạo du lịch. Tăng cường vai trò và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch các cấp.

Tổ chức chương trình “Cà phê doanh nhân”, các cuộc họp, các cuộc đối thoại với doanh nghiệp nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hàng năm ngành du lịch phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh, nhất là địa bàn huyện Lý Sơn. Đội kiểm tra liên ngành tổ chức kiểm tra các cơ sở kinh doanh du lịch⁴¹. Công an tỉnh đã kiểm tra và xử phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm⁴²...

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động để tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; không sử dụng các sản phẩm, biểu tượng, linh vật ngoại lai; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết loại bỏ ra khỏi di tích các hiện vật không có trong danh mục xếp hạng của di tích.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh thường xuyên phối hợp trong công tác quản lý khách du lịch là người nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài tham quan, du lịch tại khu vực biên giới biển của tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, phòng chống gian lận thương mại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, ngăn chặn và xử lý nghiêm tình trạng bán hàng rong, đeo bám gây phiền hà cho khách du lịch. Đến nay cơ bản không có vụ việc nhạy cảm, phức tạp đối với khách du lịch trên địa bàn.

a2) Về cơ chế chính sách

Chỉ đạo các sở, ngành địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư đến khảo sát và đầu tư phát triển các dự án du lịch lớn của tỉnh.

Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Khu chứng tích Sơn Mỹ.

⁴¹ 48 cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, 02 Khu du lịch (Mỹ Khê, Sa Huỳnh); xử phạt 01 cơ sở kinh doanh với số tiền: 20.000.000đ

⁴² 748 lượt các cơ sở kinh doanh, phát hiện 317 trường hợp vi phạm, xử phạt 38 trường hợp với số tiền trên 81.250.000đ

Chỉ đạo xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh, dự kiến trình UBND tỉnh vào cuối năm 2018.

a3) Về quảng bá xúc tiến du lịch

Công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến tiềm năng, thế mạnh về du lịch Quảng Ngãi đã được quan tâm, chú trọng. Các hình thức tuyên truyền, quảng bá khá đa dạng, phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và Trung ương⁴³. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên thông tin về các hoạt động phát triển du lịch của tỉnh, phát trên kênh Phát thanh và Kênh truyền hình nhiều chương trình, chuyên mục, tin, bài... về văn hoá, du lịch Quảng Ngãi⁴⁴. Hàng năm, các tài liệu quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức như: Panô, cẩm nang du lịch, tập gấp, bộ quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch... đã được triển khai thực hiện. Tiếp tục hoàn thiện nâng cao chất lượng cổng thông tin điện tử⁴⁵; cập nhật các thông tin liên quan đến các quy hoạch của ngành và các địa phương, quảng bá tổ hỗ trợ du khách trên cổng thông tin điện tử.

Tham gia các hội chợ, sự kiện du lịch lớn⁴⁶ để giới thiệu, quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người Quảng Ngãi, quảng bá về du lịch tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước.

a4) Về đào tạo, tập huấn và phát triển nguồn nhân lực

Thời gian qua, ngành du lịch tỉnh đã phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ sở đào tạo nghề trong việc tuyển sinh và tổ chức đào tạo cho hơn 550 lao động là cán bộ quản lý và nhân viên các doanh nghiệp du lịch gồm: nghiệp vụ lễ tân, bàn, bar, chế biến món ăn, nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch tại điểm... từ nguồn kinh phí Đề án đào tạo lao động nông thôn đến năm 2020 và từ nguồn xã hội hoá. Qua các lớp tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng, đội ngũ lao động của ngành phát huy tốt hơn chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Tỉnh đã có chủ trương xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025⁴⁷.

UBND huyện Lý Sơn tiếp nhận dự án Luxembourg tài trợ về phát triển du lịch cộng đồng tại Lý Sơn với tổng kinh phí 350 triệu đồng; đã triển khai thực

⁴³ Chuyên mục “Svietnam - Một Việt Nam kỳ diệu” (VTV1), Cà phê sáng (VTV3), quảng bá điểm đến trên kênh truyền hình Let’s Viet, sản xuất một xê-ri phim gồm 06 tập tại 02 huyện Minh Long và Trà Bồng quảng bá về đẹp cảnh quan, phong tục tập quán trong đời sống thường ngày của người dân...

⁴⁴ 94 chuyên mục Văn hóa Quảng Ngãi; Gần 1.260 tin, bài trong các chương trình, thời sự, chương trình, chuyên mục, tạp chí trên kênh phát thanh có nội dung truyền truyền, quảng bá về du lịch; chuyên mục “Du lịch đó đây” 02 số/tháng trên báo Quảng Ngãi.

⁴⁵ Trang web của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, website Du lịch Quảng Ngãi, trang Fanpage Du lịch Quảng Ngãi – Khám phá mới

⁴⁶ Hội chợ du lịch quốc tế (ITE), Hội chợ quốc tế Hà Nội (VITM), Ngày hội DL thành phố HCM.

⁴⁷ phê duyệt tại Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 27/6/2018

hiện nghiệp vụ giao tiếp, tiếng anh thông dụng, lắp đặt 02 pano và 21 điểm chỉ dẫn cho hộ homestay.

Huyện Lý Sơn đã tổ chức cho 21 hộ homestay tại Lý Sơn học tập kinh nghiệm tại Hội An, Cù Lao Chàm (Quảng Nam), các hộ gia đình ở Bình Hải, Bình Sơn tham quan học tập tại Làng Bích họa Tam Thanh, Quảng Nam; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức cho một số huyện đi tham quan học tập kinh nghiệm quản lý nhà nước về du lịch tại các tỉnh về lặn biển, mô hình du lịch cộng đồng: Khánh Hoà, Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Tháp, Lâm Đồng.

Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực du lịch đến với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch và người dân trên địa bàn tỉnh; tổ chức Hội nghị triển khai Luật Du lịch và các văn bản quy định chi tiết cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác tại các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương và doanh nghiệp về vị trí, vai trò của ngành du lịch còn hạn chế. Một số địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn;

Công tác xúc tiến du lịch còn chưa chuyên nghiệp và hiệu quả chưa cao. Hoạt động xúc tiến và kết nối du lịch trong và ngoài nước còn hạn chế, nhất là hoạt động xúc tiến du lịch ở nước ngoài. Kinh phí bố trí cho công tác xúc tiến du lịch, marketing du lịch còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong khi đây là khâu rất quan trọng để đẩy mạnh thu hút khách du lịch vào tỉnh

Ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động du lịch của một số doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn hạn chế; một số doanh nghiệp chưa quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

2.2.3. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về huy động mọi nguồn lực, khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để đẩy mạnh phát triển du lịch

a) Kết quả đạt được

Thời gian qua, UBND tỉnh đã tích cực kêu gọi, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực du lịch; đồng thời, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư các dự án cơ sở dịch vụ du lịch. Đến nay có 26 dự án với tổng số vốn khoảng 3.100 tỷ đồng có Quyết định chủ trương đầu tư (trong đó, từ năm 2016-2018 có 10 dự án với tổng số vốn 1.600 tỷ đồng). Một số dự án đã đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả⁴⁸, một số dự án lớn đang được triển khai⁴⁹ (Phụ lục số 02 đính kèm).

⁴⁸ KDL Sa Huỳnh, KDL Thác Trắng Minh Long, Khách sạn Mường Thanh - Lý Sơn

Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi, giải trí... từng bước phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch, chuyên gia, khách công vụ đến tham quan, làm việc tại Quảng Ngãi. Hệ thống nhà hàng, quán cà phê, karaoke, cửa hàng bán hàng lưu niệm, cơ bản đáp ứng cho nhu cầu của khách du lịch. Tính đến tháng 6/2018, trên địa bàn tỉnh có khoảng 300 cơ sở lưu trú (tăng 20 cơ sở so với năm 2016) với hơn 4.000 buồng, 25 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành (tăng 12 doanh nghiệp so với năm 2016), trong đó có 01 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế và 03 chi nhánh kinh doanh lữ hành quốc tế.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực huy động nguồn lực tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong việc tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao và du lịch⁵⁰, đồng thời huy động và khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tham gia các hội chợ du lịch⁵¹. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, sân bay, bến cảng... Tích cực khuyến khích, kêu gọi các tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, đặc biệt là khuyến khích đầu tư phương tiện vận tải khách du lịch tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn. Năm 2018, có 01 tàu siêu tốc trị giá gần 1 triệu USD được đưa vào hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng vận tải của tuyến đường thuỷ này.

Các dịch vụ phục vụ du lịch như lặn biển chuyên nghiệp, khám phá san hô và trầm tích núi lửa biển tại đảo Bé và các trò chơi trên biển đã được cấp phép và bước đầu cung cấp những dịch vụ trải nghiệm mới cho du khách tại Lý Sơn.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Các dự án đầu tư còn chậm chùng, chưa khai thác hiệu quả. Thiếu kết nối giữa các điểm du lịch trong tỉnh và liên tỉnh để khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch.

Việc triển khai thực hiện các dự án mới và xử lý các dự án lĩnh vực du lịch chậm tiến độ tại Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Bình Sơn, Lý Sơn... gặp khó khăn do vướng phải quy định thiết lập hành lang an toàn bờ biển theo quy định tại Điều 79 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Nhiều dự án đã được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư nhưng chậm triển khai, thay đổi, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch dự án nhiều lần do vướng mắc công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Công tác tuyên truyền vận động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân để đẩy mạnh phát triển du lịch còn hạn chế; kinh phí huy động xã hội hoá từ doanh nghiệp còn ít, trong khi kinh phí đầu tư cho các chương trình, sự kiện văn hoá, thể thao, du lịch của tỉnh lớn.

⁴⁹ Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa Quan Thánh, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng suối nước Nghĩa Thuận, Khu nghỉ dưỡng sinh thái Ánh Vân, Khu du lịch và dịch vụ sinh thái Thiên Ý...

⁵⁰ xây dựng, in ấn Cẩm nang hướng dẫn du lịch Quảng Ngãi; xây dựng video clip quảng bá, giới thiệu về du lịch Quảng Ngãi, phát sóng trên kênh truyền hình Let's Viet, VTV1, chương trình S-Việt Nam trên VTV1, VTV4, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tiền Giang, tỉnh Nghệ An, sân bay Nội Bài...

⁵¹ Ngày hội Du lịch thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 13, Hội chợ Du lịch quốc tế VITM Hà Nội,

2.2.4. Kết quả nhóm thực hiện nhóm nhiệm vụ về bảo đảm an ninh an, trật tự, an toàn xã hội trong phát triển du lịch

a) Kết quả đạt được

Tiếp tục chỉ đạo triển khai Chỉ thị⁵² về việc tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch; Thông tư liên tịch⁵³ hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, Chỉ thị⁵⁴ về việc tăng cường công tác giữ gìn trật tự, trị an và quản lý bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Phối hợp với các ngành chức năng thẩm định, kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư dịch vụ, du lịch nhất là các dự án du lịch có yếu tố là nước ngoài để kịp thời tham mưu UBND tỉnh giải quyết những vướng mắc nảy sinh liên quan đến an ninh trật tự, đề phòng doanh nghiệp lợi dụng đầu tư để phá hoại hoặc gây phương hại đến lợi ích Nhà nước...đồng thời phối hợp giải quyết các vụ, việc, khiếu kiện, tranh chấp, mâu thuẫn phức tạp tại một số dự án đầu tư du lịch, nhất là các vụ việc liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư⁵⁵.

Thực hiện tốt quy chế đảm bảo an toàn cho du khách tuyến Lý Sơn - Sa Kỳ và ngược lại, tuyến đảo Lớn - đảo Bé; giữ gìn trật tự bến cảng, ổn định giờ tàu xuất bến, tăng phiên, tăng chuyến tàu phục vụ du khách, tạo điều kiện cho du khách và người dân đi lại thuận lợi, an toàn.

Chủ động ngăn ngừa và kịp thời xử lý các vụ việc chạt chém, ép giá, chèo kéo du khách tại các điểm tham quan trên địa bàn tỉnh. Thực hiện việc hạn chế dùng bao nylon tại đảo Lý Sơn, thí điểm tại đảo Bé.

Tuyên truyền và triển khai hình hoạt hóa Bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động du lịch. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin du lịch, tiếp tục quảng bá số Tổng đài 0888.700.008 của tổ hỗ trợ du khách trên công thông tin điện tử, website, facebook, youtube, và các phương tiện truyền thông khác...

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức ký Quy chế phối hợp với Công an tỉnh về việc đảm bảo an ninh, trật tự và tổ chức các hoạt động du lịch, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

⁵² Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013

⁵³ 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013

⁵⁴ 25/CT-UBND ngày 23/9/2011

⁵⁵ Dự án Khu CN – Đô thị - Dịch vụ VSIP, Trung tâm Thương mại và nhà phố shophouse, Công viên Thiên Bút, Khu Du lịch Sa Huỳnh, Khu du lịch sinh thái Bãi Dừa, Khu du lịch suối nước nóng Nghĩa Thuận

Việc triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự trong hoạt động du lịch còn thiếu chủ động, do đó chưa huy động được sự tham gia tích cực của cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở và các sở, ban, ngành nên hiệu quả chưa cao.

Ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động du lịch của một số doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn hạn chế; việc cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách phát triển ngành du lịch và những vấn đề nảy sinh liên quan đến ANNB, ANKT; những bất cập trong quản lý đầu tư các dự án du lịch có tác động đến ANTT chưa được các ngành quan tâm chỉ đạo kịp thời, đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đảm bảo ANTT.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung kết quả đạt được

- Đến nay, việc quán triệt, cụ thể hóa và kế hoạch triển khai Nghị quyết 04 đã được các cấp ban hành; Kế hoạch phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 đang tổ chức thực hiện và đạt được những kết quả nhất định. Các địa phương chủ động ban hành Nghị quyết, Chương trình hành động, kế hoạch triển khai nghị quyết và năng động, sáng tạo trong việc xây dựng các sản phẩm du lịch, phát triển điểm đến, tổ chức các sự kiện văn hóa - du lịch để thu hút khách tham quan tiêu biểu là huyện Bình Sơn, Lý Sơn, Ba Tơ...

- Một số nội dung, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm triển khai Nghị quyết đã xây dựng và đang thực hiện như: Xây dựng chính sách phát triển du lịch cộng đồng, đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao gắn với du lịch, ký kết hợp tác phát triển ngành văn hoá, thể thao và du lịch với các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum; tham gia Hội chợ, xúc tiến du lịch toàn quốc; xây dựng và phát hành các ấn phẩm quảng bá du lịch; đặc biệt khẩn trương tổ chức bảo tồn, phát triển và lập hồ sơ để UNESCO công nhận Công viên địa chất Lý Sơn là Công viên địa chất toàn cầu...

- Việc quy hoạch, xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển dịch vụ, du lịch đang khẩn trương thực hiện và dự kiến trình cấp thẩm quyền trong cuối năm 2018;

- Các loại hình nghệ thuật diễn xướng, lễ hội dân gian được bảo tồn, phục hồi và đang phát huy giá trị, như Lễ Khao lè thế lính Hoàng Sa, Lễ hội Điện Trường Bà- Trà Bồng; Lễ cầu ngư Sa Huỳnh; Lễ hội Cầu mưa Hre...; các di sản phi vật thể các dân tộc thiểu số cũng được tổ chức truyền dạy hằng năm tại các huyện trong tỉnh (theo Đề án bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số), như nghệ dệt thổ cẩm; các làn điệu dân ca Hre, Cor, Cadong; đấu chiêng, múa Cà đầu....

- Ngành dịch vụ, du lịch trong cơ cấu kinh tế xã hội có bước phát triển, ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, công tác hỗ trợ doanh nghiệp càng được chú trọng đặc biệt trong

công tác hỗ trợ thông tin thị trường, pháp lý cho doanh nghiệp, thương mại điện tử...

- Công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, xã hội hóa đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội được đẩy mạnh; một số lĩnh vực dịch vụ được nhà đầu tư, doanh nghiệp quan tâm, khai thác như lĩnh vực dịch vụ thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...), dịch vụ bất động sản, vận tải, y tế...

- Tích cực tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tham gia ủng hộ, tài trợ bằng kinh phí, hiện vật cho các chương trình, sự kiện văn hoá, thể thao và du lịch của tỉnh. Các chương trình quảng bá thương hiệu, hình ảnh du lịch Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, sân bay, bến cảng... cũng được xã hội hoá và mang lại hiệu quả thiết thực.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: Việc tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 04, Đề án phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, một số sở, ngành, địa phương chưa xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết và Đề án của đơn vị mình.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác phát triển hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa có khu, điểm du lịch hoàn chỉnh, các dự án đầu tư còn cầm chừng, chưa khai thác hiệu quả, thiếu cơ sở dịch vụ và sản phẩm du lịch để thu hút mạnh khách tham quan, nghỉ dưỡng; chưa hình thành các trung dịch vụ đa chức năng, trung tâm logistics có quy mô làm đòn bẩy cho phát triển kinh tế. Các ngành dịch vụ phát triển mang tính rời rạc, thiếu liên kết vùng, liên kết giữa các địa phương.

- Kinh phí bố trí cho đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, công tác lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích, công tác đầu tư bảo vệ, tôn tạo di tích và công tác xúc tiến du lịch, marketing du lịch, đào tạo nguồn nhân lực du lịch còn hạn chế.

- Không có thiết chế trung bày, triển lãm, trình diễn, nên việc chỉ đạo tổ chức sự kiện, lễ hội còn khá khiêm tốn về quy mô.

- Việc kiểm tra, chấn chỉnh các dự án chậm hoặc không tiếp tục đầu tư về du lịch chưa được thường xuyên. Một số địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn; cơ chế phối hợp giữa Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đôi lúc chưa chặt chẽ, kịp thời.

- Công tác tuyên truyền vận động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân để đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch còn hạn chế; công tác thu hút đầu tư dưới hình thức xã hội hóa chưa cao, kinh phí huy động xã hội hóa từ doanh nghiệp còn ít...

2.2. Nguyên nhân

- Khách quan

+ Cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông còn phụ thuộc tiến độ đầu tư từ Trung ương;

+ Tiềm năng du lịch có nhiều nhưng không nổi trội so với nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước và vùng miền lân cận nên sức thu hút, hấp dẫn đối với khách du lịch thấp.

+ Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp nên phát triển du lịch phải dựa vào kết quả của nhiều ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, sự phát triển của các lĩnh vực thì chưa đồng đều, mạnh mẽ để tạo đà cho du lịch phát triển bứt phá

- Chủ quan

+ Cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, du lịch nói riêng và thu hút đầu tư tư nhân nói chung còn chưa hấp dẫn; Trình tự thủ tục chưa được nghiên cứu, vận dụng khung pháp lý của Trung ương để ban hành, cụ thể hóa, đơn giản hóa quy trình, thống nhất áp dụng tại địa phương để triển khai thực hiện.

+ Đa số các dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, du lịch còn nhỏ lẻ; việc thu hút nhà đầu tư lớn với kỳ vọng tạo ra đột phá, để thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư “*theo hiệu ứng cánh chim đầu đàn*”, còn gặp nhiều rào cản về nhận thức, phần nào làm mất đi sức hấp dẫn về thu hút đầu tư.

+ Nguồn lực của tỉnh chưa đáp ứng để tạo ra đột phá về cơ sở hạ tầng, chủ yếu dựa vào nguồn vốn của Trung ương; đầu tư hạ tầng để thu hút tư nhân đầu tư vào lĩnh vực du lịch còn thấp.

+ Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết 04 và Đề án đã phê duyệt còn thấp, trong đó nguồn lực khan hiếm đã cân đối trong giai đoạn đầu tư công trung hạn 2016-2020 nên việc xem xét, bổ sung nguồn lực để triển khai Nghị quyết, nhất là đầu tư hạ tầng để thu hút đầu tư tư nhân vào lĩnh vực dịch vụ, du lịch rất khó khăn.

+ Chưa xây dựng được đội ngũ marketing du lịch chuyên nghiệp để thực hiện việc quảng bá, xúc tiến du lịch làm ảnh hưởng đến việc phát triển thị trường khách du lịch.

+ Nhiều dự án đã được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư nhưng chậm triển khai, thay đổi, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch dự án nhiều lần do vướng mắc công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

+ Đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp còn yếu, thiếu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ; một số địa phương chưa nhận thức đúng ý nghĩa, tầm quan trọng của di tích dẫn đến tình trạng còn buông lỏng quản lý.

+ Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, du lịch còn yếu, chưa mạnh về nguồn tài chính cũng như nguồn nhân lực để triển khai, vận hành hiệu quả các dự án du lịch các cơ sở, các cơ sở dịch vụ, du lịch chỉ chú trọng đến việc đầu tư,

nâng cấp, mở rộng cơ sở kinh doanh dịch vụ mà chưa chú trọng đến công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục tuyên truyền, tổ chức phổ biến, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh về Nghị quyết số 04 để đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết.

2. Tiếp tục tổ chức triển khai các nội dung trong Nghị quyết 04; Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 27/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Nghị quyết số 38 của HĐND tỉnh về phát triển dịch vụ, du lịch đến năm 2020; Đề án phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 04, ...trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tiếp tục thu hút đầu tư các ngành dịch vụ, ưu tiên dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao, bảo đảm các dịch vụ cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại.

- Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về phát triển các ngành dịch vụ như cảng biển nước sâu Dung Quất gắn với phát triển ngành dịch vụ Logistics; phát triển các dịch vụ vận chuyển, dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản...

- Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư sớm hoàn thành các dự án lớn, có tính lan tỏa, thúc đẩy phát triển sản xuất và dịch vụ như: Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; Dự án Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP; dự án nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất; Dự án nhà máy Điện khí tại KKT Dung Quất; Dự án Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và đô thị Bình Châu – Lý Sơn của Tập đoàn FLC; Trung tâm năng lượng và Lọc hóa dầu quốc gia, Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ Khu vực miền Trung – Tây Nguyên thuộc Bộ Công Thương đặt tại Quảng Ngãi; Trung tâm thương mại shophouse, Trung tâm thương mại Hùng Cường Big C...

- Khẩn trương xây dựng công viên và lập hồ sơ trình UNESCO công nhận công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn theo Đề án được duyệt.

- Tham mưu Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh ban hành các Chương trình, Quy hoạch, Đề án, Kế hoạch nhằm cụ thể hoá các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực di sản văn hoá, thể dục, thể thao gắn với phát triển du lịch.

- Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng tại 04 huyện Bình Sơn, Lý Sơn, Ba Tơ, Nghĩa Hành; khuyến khích doanh nghiệp tình khác đầu tư hoặc mở rộng đầu tư các cụm giải trí, thể thao trên biển, phát triển dịch vụ lặn biển chuyên nghiệp, khám phá trầm tích núi lửa và tàu cổ đắm trở thành dịch vụ độc đáo, duy nhất, phát triển sản phẩm du lịch đường

biển Cù Lao Chàm – Lý Sơn trở thành mô hình điểm đầu tiên về du lịch đường biển liên địa phương ở khu vực Duyên hải miền Trung.

- Trình HĐND tỉnh chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; hoàn thiện và kết nối các khu du lịch, các điểm du lịch, các sản phẩm du lịch: Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Khu Chứng tích Sơn Mỹ, đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định; đưa vào sử dụng Khu Bảo tồn Văn hoá Sa Huỳnh...Phát triển du lịch lễ hội: Lễ Khao lè thế lính Hoàng Sa, Lễ hội Điện Trường Bà - Trà Bồng...Khôi phục và phát huy giá trị các làng nghề thủ công truyền thống như gốm Mỹ Thiện (Bình Sơn), dệt thổ cẩm Làng Teng (Ba Tơ), các nghề thủ công cổ truyền khác. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến du lịch, quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Ngãi. Đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là hợp tác với tỉnh Quảng Nam phát triển tuyến du lịch đường biển Cù Lao Chàm – Lý Sơn.

- Tiếp tục bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể; tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh. Xem xét, phê duyệt Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh; Quy chế quản lý, bảo vệ, trùng tu tôn tạo di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; sửa đổi Quyết định 28 của UBND tỉnh về phân cấp quản lý di tích lịch sử văn hóa.

- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng; hiệu lực hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý theo hướng tinh, gọn, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, lấy hiệu quả phục vụ, sự hài lòng của nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo, tạo môi trường thuận lợi thực sự để thu hút nguồn lực và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Huy động mọi nguồn lực, khuyến khích đầu tư xã hội hóa, sự tham gia tích cực của công đồng doanh nghiệp và nhân dân để đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội trên lĩnh vực dịch vụ, du lịch; kiểm soát chặt chẽ quy hoạch phát triển các dự án du lịch, đảm bảo môi trường sinh thái và an ninh quốc phòng.

V. KIẾN NGHỊ

Cần đánh giá tổng thể các Nghị quyết chuyên đề để xác định trọng tâm, tạo ra đột phá. Mỗi Nghị quyết chuyên đề cụ thể hóa tầm nhìn chiến lược và xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trên từng lĩnh vực, song phải đánh giá đồng thời việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành trong tổng thể tầm nhìn chiến lược chung về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từ đó tập trung vào khâu đột

phá, có tính loan tỏa, tạo ra sức ảnh hưởng chung trong việc thực hiện các Nghị quyết chuyên đề.

Cần xác định trọng tâm và giới hạn nhiệm vụ ưu tiên để phân bổ và sử dụng nguồn lực hiệu quả. Việc ban hành các Nghị quyết chuyên đề - trong đó có Nghị quyết 04 về phát triển dịch vụ, du lịch - thể hiện tầm nhìn, lĩnh vực ưu tiên trong chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy. Tuy nhiên, ngân sách của tỉnh còn thấp. Việc phân bổ nguồn lực phải cân đối nhiều mục tiêu, theo nhiều Nghị quyết nên có khả năng phân tán nguồn lực, chưa tạo ra đột phá từ đầu tư ngân sách để thu hút đầu tư tư nhân. Do đó, cần rà soát, cân nhắc điều chỉnh việc phân bổ nguồn lực đầu tư công trung hạn cho giai đoạn 2019-2020 và định hướng tiếp theo để thực hiện các Nghị quyết đạt kết quả.

Trên đây là báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh kính báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, VX(bnt501).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC SỐ 1

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển du lịch (02 năm thực hiện NQ 04)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	Thực hiện 2016-2020			Kế hoạch NQ 04 (2016-2020)				So sánh TH năm 2017 với TH năm 2016	So sánh KH năm 2018 với TH năm 2017	So sánh KH 2018 với TH 2016	So sánh KH NQ 2018 với TH 2016	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018		Tốc độ tăng trưởng bình quân năm (%)	
				Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	KH 2018	KH 2016	KH 2017	KH 2018	Thực hiện					% so với KH năm 2018 NQ 04	Thực hiện NQ 04 (2016-2017)	Kế hoạch NQ 04 (2016-2017)	
I	TỔNG SỐ KHÁCH	lượt	650.000	725.000	810.000	850.000	725.000	750.000	800.000	112	105	117	110	530.000	66	11,6	7,4	
-	<i>Khách du lịch quốc tế đến</i>	lượt	55.000	61.000	69.000	70.000	61.000	65.000	70.000	113	101	115	115	41.000	59	12,0	8,7	
-	<i>Khách du lịch nội địa</i>		595.000	664.000	741.000	780.000	664.000	685.000	730.000	112	105	117	110	489.000	67	11,6	7,3	
II	NGÀY LƯU TRÚ BÌNH QUÂN KHÁCH QUỐC TẾ	Ngày	2,8	2,8	2,9	2,9	2,8	2,9	2,9	104	100	104	104			1,8	1,8	
II	NGÀY LƯU TRÚ BÌNH QUÂN KHÁCH NỘI ĐỊA	Ngày	2,4	2,5	2,6	2,7	2,5	2,6	2,7	104	104	108	108			4,1	4,1	
III	TỔNG CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH	Cơ sở	275	280	290	300	280	290	300	104	103	107	107			2,7	2,7	
IV	SỐ BUỒNG LƯU TRÚ DU LỊCH	Buồng	3.800	3.900	3.960	4.020	3.900	3.960	4.020	102	102	103	103			2,1	2,1	
V	LAO ĐỘNG TRONG NGÀNH DU LỊCH (Tổng số)	Người	9300	10075	10850	12400	10075	10850	12400	108	114	123	123			8,0	8,0	
-	<i>Lao động trực tiếp</i>	Người	3000	3250	3500	4000	3250	3500	4000	108	114	123	123			8,0	8,0	
-	<i>Lao động gián tiếp</i>	Người	6400	6825	7350	8400	6825	7350	8400	108	114	123	123			7,2	7,2	
VI	TỔNG THU TỪ KHÁCH	Tỷ đồng	560	640	710	820	640	700	820	111	115	128	128	487	59	12,6	11,8	
	<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	triệu USD	6,2	6,8	7,5	8,5	6,8	7,5	8,5	110	113	125	125	6	70	10,0	10,0	

Phụ lục 2						
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH						
STT	Tên dự án	Doanh nghiệp đầu tư	Quy mô (hecta)	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN KKT DUNG QUẤT						
1	Khu du lịch sinh thái nhà vườn cao cấp Bình Sơn Hải	Công ty CP 658	4,27	TP. Vạn Tường	51,00	Chủ đầu tư đã trình Sở Xây dựng thẩm định Thiết kế cơ sở của Dự án. Ban quản lý KKT Dung Quất đang đôn đốc, phối hợp và hướng dẫn chủ đầu tư triển khai các bước thủ tục tiếp theo.
2	Khách sạn và dịch vụ Ngọc Linh - Dung Quất	Công ty TNHH TM&ĐT NgọcLinh	1,28	KCN phía Tây, Bình Chánh, Bình Sơn	30,60	Đã xây dựng và đi vào hoạt động khu dịch vụ massage và khu giải trí. Khu khách sạn chỉ mới xây dựng phần móng.
3	Khu khách sạn, nhà hàng và thể thao Hoàng Gia	Công ty TNHH Hoàng Gia	2,4	Bình Thạnh, Bình Sơn	30,6	Đã hoàn thành khu nhà hàng và massage và phần khách sạn. Tuy nhiên đã thu hồi Giấy CN đầu tư, đang tìm đối tác chuyển nhượng.
4	Khu du lịch sinh thái Thiên Đàng	Công ty CP Thiên Đàng	286	Khe Hai, Bình Sơn	340	Đây là dự án có quy mô tương đối lớn trong lĩnh vực du lịch sinh thái và đã thực hiện đầu tư khá sớm tại KKT Dung Quất. Tuy nhiên, do tác động của nhiều yếu tố nên dự án chỉ mới xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động 01/05 khu chức năng theo quy hoạch được duyệt (Khu Bốn mùa). Một số khu khác đang trong tình trạng triển khai dở dang về công tác bồi thường - GPMB.
DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI VÀ CÁC HUYỆN						
5	Khu du lịch sinh thái núi Sứa	Công ty TNHH Đại Dương Xanh	3,3	Thành phố Quảng Ngãi	72,000	Đã hoàn thành việc đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng và đưa vào hoạt động khu dịch vụ cà phê, nhà hàng.

STT	Tên dự án	Doanh nghiệp đầu tư	Qui mô (hecta)	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
6	Khu du lịch Biển Mỹ Khê	Công ty CP Mỹ Khê Việt Nam	23,5	Thành phố Quảng Ngãi	824,000	Dự án đã đầu tư khá nhiều, tuy nhiên kể từ khi điều chỉnh giá hạn đến nay, dự án không tiến triển, công ty mẹ ngừng cấp vốn. UBND tỉnh đã chỉ đạo thanh tra dự án và đã có kết luận (viết lại)
7	Khu du lịch Sa Huỳnh	Công ty CP Du lịch Quảng Ngãi	52,27	KDL Sa Huỳnh, Đức Phổ	120	Đã đưa vào hoạt động hạng mục lưu trú, khu ăn uống
8	Khu du lịch sinh thái Thác Trắng	Công ty TNHH MTV Thác Trắng	57 ha	Huyện Minh Long	74	Đã đưa vào hoạt động khu vực nhà hàng, nhà nghỉ, bãi tắm thác, khu câu cá.
						Đã tiến hành xong công tác san lấp mặt
9	Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa	Công ty TNHH Phú Điền	50 ha	Huyện Tư Nghĩa	30	bằng, hoàn thành hạng mục xây dựng tường rào, cổng ngõ khu nghỉ dưỡng. Hiện tại, công ty đang triển khai xây dựng phần thô các khu villa, nhà hàng - cà phê.
10	Khu du lịch sinh thái - resort nghỉ dưỡng Bình Hiệp - Bình Sơn	Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa		Huyện Bình Sơn		Được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư cho Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa từ ngày 21/10/2011 nhưng đến nay vẫn chưa triển khai các bước tiếp theo
11	Khu du lịch sinh thái biển Hàng Dương	Công ty TNHH Hà Thành		Tp. Quảng Ngãi		Dự án được UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư vào năm 2002, đã xây dựng một số hạng mục. Hầu hết các hạng mục này đều đã xuống cấp và từ năm 2008 đến nay Công ty vẫn chưa triển khai thêm hạng mục nào khác. Diện tích hiện đang sử dụng do Công ty TNHH Hà Thành thuê tại Khu du lịch Mỹ Khê là 30.681 m ²
12	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Ánh Vân	Công ty TNHH TMDV Du lịch Trúc Vân	148	Tp. Quảng Ngãi	402	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 524/QĐ-UBND ngày 29/3/2017
13	Khu du lịch và dịch vụ sinh thái Thiên Ý	Công ty TNHH MTV Đầu tư dịch vụ Thiên Ý	58,9 ha	Tp. Quảng Ngãi	253	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 1039/QĐ-UBND ngày 02/6/2017.

STT	Tên dự án	Doanh nghiệp đầu tư	Qui mô (hecta)	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
14	Tổ hợp Trung tâm thương mại và khách sạn Mường Thanh 5 sao tại Tp. Quảng Ngãi và khách sạn 4 sao tại Lý Sơn	Tập đoàn Mường Thanh	5 ha, □ 0.65	huyện Lý Sơn	450 □ (Lý Sơn)	Đã đưa vào hoạt động khách sạn Mường Thanh Holiday - Lý Sơn
15	Khu dịch vụ tổng hợp Hương Lúa	Công ty CP ĐT và PT hạ tầng 179	0.4 ha	Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	12	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 168/QĐ-UBND ngày 12/02/2018
16	Khu dịch vụ du lịch Quê Hương	Công ty TNHH TM và DV Quê Hương	23.2 ha	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	55	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 1765/QĐ-UBND ngày 26/9/2017
17	Khu dịch vụ khách sạn - nhà hàng Đức Phở	Công ty TNHH Xây lắp An Lộc Phát	0.3 ha	Thị trấn Đức Phở, huyện Đức Phở	14,6	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 17/QĐ-UBND ngày 08/01/2018
18	Khu kinh doanh cà phê, ăn uống, giải trí, trưng bày đặc sản Lý Sơn	ông Phù Văn Quang	0.12 ha	xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn	8,2	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 1486/QĐ-UBND ngày 11/8/2017
19	Khu dịch vụ, vui chơi giải trí Đại Trung	Công ty TNHH TM Đại Trung	0.49 ha	xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	23,9	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 1820/QĐ-UBND ngày 03/10/2017
20	Dự án khách sạn và Thương mại Hồng Long	Công ty TNHH Hồng Thịnh	0.28 ha	Xã Bình Long, huyện Bình Sơn	14,5	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 1776/QĐ-UBND ngày 26/9/2017
21	Dự án đầu tư Trang trại tổng hợp và dịch vụ Bàu Giang	ông Nguyễn Văn Hiếu	15.2 ha	Xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi	7	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 1269/QĐ-UBND ngày 10/7/2017
22	Dự án Trạm dừng nghỉ và Bến xe nam Quảng Ngãi	Công ty CP Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2-CC2	48 ha	Đường tránh Quốc lộ 1A, xã Phở Minh, huyện Đức Phở	38,8	Đã được UBND tỉnh cấp Quyết định CTĐT số 734/QĐ-UBND ngày 16/10/2017

